

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - XUẤT NHẬP KHẨU THANH HÀ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2010

Hà Nội, tháng 03 năm 2011

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Thanh Hà (sau đây gọi tắt là "Công ty")
đề trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày
31/12/2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết
thúc ngày 31/12/2010 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Hợp	Chủ tịch
Bà Bùi Thị Thu Hà	Ủy viên
Ông Vũ Văn Hải	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Bình	Ủy viên
Ông Trương Xuân Bình	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Hợp	Tổng Giám đốc
Bà Bùi Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đăng Thanh	Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Ngọc Vân
Bà Nguyễn Kiều Nhi
Bà Trần Lan Hương

Phụ trách kế toán

Anh Đào Ngọc Bình Bỏ nhiệm từ ngày 01/10/2010

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc khẳng định rằng, không có bất cứ sự kiện bất thường hoặc sự kiện sau ngày kết thúc
năm tài chính nào có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài
chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty được kiểm toán bởi
Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

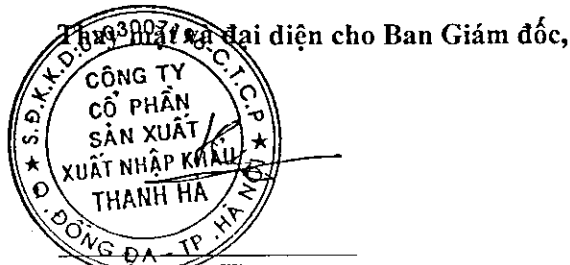
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



Nguyễn Văn Hợp
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2011

Số: 155/2011/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Thanh Hà
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2010

Kính gửi Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Thanh Hà

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Thanh Hà (sau đây gọi tắt là "Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính của Công ty được lập ngày 25/03/2011, trình bày từ trang 5 đến trang 22 kèm theo, trên cơ sở các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc từ trang 2 đến trang 3, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý, xét trên những khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Thanh Hà tại ngày 31/12/2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Chúng tôi không phủ định ý kiến kiểm toán nêu trên mà chỉ bổ sung thông tin về tình hình tài chính của Công ty như đã trình bày tại Thuyết minh số 26.2 kèm theo.



Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số 0666/KTV
Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2011

Nguyễn Thị Phương Thảo
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số 0933/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		84.221.233.783	358.050.656.007
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	115.592.100	16.943.034.650
Tiền	111		115.592.100	16.943.034.650
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	176.775.850	3.238.460.000
Đầu tư ngắn hạn	121		432.200.000	3.422.500.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(255.424.150)	(184.040.000)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		79.644.007.728	272.722.676.874
Phải thu khách hàng	131	6	15.160.706.378	116.533.079.607
Trả trước cho người bán	132		113.655.613.462	156.359.788.722
Các khoản phải thu khác	135	7	12.857.625	485.060.811
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(49.185.169.737)	(655.252.266)
Hàng tồn kho	140		1.318.887.250	46.541.237.464
Hàng tồn kho	141	8	1.318.887.250	46.541.237.464
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.965.970.855	18.605.247.019
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		189.697.655	2.997.322.894
Tài sản ngắn hạn khác	158	9	2.776.273.200	15.607.924.125
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		35.849.298.714	18.997.798.282
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		32.814.034.133	15.598.409.173
Tài sản cố định hữu hình	221	10	23.613.225.183	10.871.610.177
- Nguyên giá	222		30.238.733.035	17.293.248.238
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.625.507.852)	(6.421.638.061)
Tài sản cố định vô hình	227	11	9.200.808.950	2.382.491.050
- Nguyên giá	228		10.475.452.725	3.209.335.725
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.274.643.775)	(826.844.675)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	2.344.307.946
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.912.000.000	2.912.000.000
Đầu tư vào công ty con	251	12	2.907.000.000	2.907.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258		5.000.000	5.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		123.264.581	487.389.109
Chi phí trả trước dài hạn	261		123.264.581	487.389.109
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		120.070.532.497	377.048.454.289

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		137.005.563.476	349.922.977.670
Nợ ngắn hạn	310		136.787.319.476	349.192.321.720
Vay và nợ ngắn hạn	311	13	111.163.953.856	282.512.637.533
Phải trả người bán	312		1.713.642.463	10.198.450.850
Người mua trả tiền trước	313	14	10.349.728.333	53.471.776.499
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		2.583.061	425.417.223
Phải trả người lao động	315		59.867.642	872.932.049
Chi phí phải trả	316	15	12.136.753.161	483.210.408
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	405.621.645	471.852.392
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		955.169.315	756.044.766
Nợ dài hạn	330		218.244.000	730.655.950
Vay và nợ dài hạn	334		-	507.155.950
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		218.244.000	223.500.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(16.935.030.979)	27.125.476.619
Vốn chủ sở hữu	410	17	(16.935.030.979)	27.125.476.619
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		12.700.000.000	12.700.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.500.000.000	3.500.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(527.821.331)	(315.086.331)
Quỹ đầu tư phát triển	417		7.206.100.547	5.922.703.086
Quỹ dự phòng tài chính	418		1.454.008.778	543.037.856
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	214.398.320
(Lỗ lũy kế)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(41.267.318.973)	4.560.423.688
TỔNG NGUỒN VỐN	440		120.070.532.497	377.048.454.289



Nguyễn Văn Hợp
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2011

Đào Ngọc Bình
Phụ trách Kế toán

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	342.044.206.052	880.671.168.160
Các khoản giảm trừ doanh thu	03	18	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	18	342.044.206.052	880.671.168.160
Giá vốn hàng bán	11	19	322.026.763.829	852.638.142.596
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		20.017.442.223	28.033.025.564
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	12.782.963.700	18.935.397.977
Chi phí tài chính	22	21	25.182.477.230	29.980.016.995
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		21.933.002.116	27.194.186.823
Chi phí bán hàng	24	22	3.722.511.105	8.365.802.257
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	23	53.173.496.791	6.089.561.694
Lỗ từ hoạt động kinh doanh	30		(49.278.079.203)	2.533.042.595
Thu nhập khác	31	24	8.754.667.978	5.886.239.640
Chi phí khác	32	25	818.796.591	3.469.396.667
Lợi nhuận khác	40		7.935.871.387	2.416.842.973
Tổng lỗ kế toán trước thuế	50		(41.342.207.816)	4.949.885.568
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	395.030.958
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(41.342.207.816)	4.554.854.610
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	3.586



Nguyễn Văn Hợp
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2011


Đào Ngọc Bình
Phụ trách Kế toán

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		493.989.719.374	950.341.190.553
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(296.805.069.596)	(969.754.301.162)
Tiền chi trả cho người lao động	3		(1.874.250.174)	(2.504.878.426)
Tiền chi trả lãi vay	4		(13.320.049.003)	(23.359.190.458)
Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	5		(427.062.522)	(303.019.559)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		7.385.980.876	25.784.280.551
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(21.639.373.949)	(8.042.932.964)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		167.309.895.006	(27.838.851.465)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(19.688.456.671)	(2.344.307.946)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		6.400.000.000	3.633.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.475.483.792	69.171.039
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(11.812.972.879)	1.357.863.093
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		236.285.154.293	1.047.744.721.362
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(406.773.837.970)	(1.063.081.433.395)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.835.681.000)	(251.242.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(172.324.364.677)	(15.587.954.033)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(16.827.442.550)	(42.068.942.405)
	60	4	16.943.034.650	59.011.977.055
Tiền và tương đương tiền đầu năm				
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	115.592.100	16.943.034.650



Nguyễn Văn Hợp
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2011


Đào Ngọc Bình
Phụ trách Kế toán

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Thanh Hà (sau đây gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 1302/QĐ - UB ngày 18/03/2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội với tên gọi ban đầu là Công ty Cổ phần Thanh Hà, hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103007196 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 30/03/2005. Theo Quyết định số 4380/QĐ - UB ngày 23/06/2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội và Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Thanh Hà.

Sau khi được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần, vốn điều lệ của Công ty là 5,7 tỷ đồng, chia thành 57.000 cổ phần phổ thông, mệnh giá mỗi cổ phần là 100.000 đồng, trong đó, phần vốn Nhà nước chiếm 30%.

Trong năm 2007, Công ty đăng ký với Ủy ban chứng khoán về việc trở thành công ty đại chúng và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 15/05/2007, với số vốn điều lệ là 12.700.000.000 đồng, chia thành 1.270.000 cổ phần phổ thông, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Trong đó:

- Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu tổng hợp Hà Nội - HAPROSIMEX (là đại diện sở hữu vốn Nhà nước) nắm giữ 342.000 cổ phần, chiếm 26,93% vốn điều lệ của Công ty;
- Các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc nắm giữ 232.260 cổ phần, chiếm 18,28% vốn điều lệ của Công ty;
- Các cổ đông khác nắm giữ 695.740 cổ phần, chiếm 54,79% vốn điều lệ của Công ty;

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Trong năm, các hoạt động sản xuất kinh doanh chính bao gồm:

- Sản xuất, chế biến và buôn bán các mặt hàng như: may mặc, dệt may, hàng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nông, lâm, hải sản, dược liệu, khoáng sản phục vụ cho nhu cầu xuất khẩu và tiêu dùng trong nước;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hoá;
- Đại diện thương mại;
- Kinh doanh giao nhận, vận chuyển hàng hoá;
- Kinh doanh nhà hàng, cho thuê nhà xưởng, kho bãi.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Dưới đây là các chính sách kế toán chủ yếu mà Công ty áp dụng để lập Báo cáo tài chính này:

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2010 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2009 ngoại trừ việc Công ty lần đầu tiên áp dụng thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp. Theo đó, chỉ tiêu “Quý khen thưởng phúc lợi” trong phần nguồn vốn trên Bảng cân đối kế toán được chuyển sang chỉ tiêu “Quý khen thưởng phúc lợi” trong phần “Nợ ngắn hạn”.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản đầu tư vào cổ phiếu và các khoản đầu tư khác. Các khoản đầu tư ngắn hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán và các khoản đầu tư khác.

Dự phòng giảm giá chứng khoán đã được tự do mua bán trên thị trường được trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính. Công ty sử dụng giá tham khảo trên các phương tiện thông tin đại chúng tại thời điểm kết thúc năm tài chính để làm cơ sở trích lập dự phòng.

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng khoản phải thu khó đòi cho những khoản phải thu quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán hay các khó khăn tương tự.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.6 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá vốn hàng bán của hầu hết các mặt hàng kinh doanh như: chè, quế, hạt tiêu và các mặt hàng khác được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền, riêng giá vốn của mặt hàng cà phê được xác định theo phương pháp đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Máy móc, thiết bị	10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Đối với tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đến đất sử dụng bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí đền bù, giải phóng và san lấp mặt bằng. Giá trị quyền sử dụng đất được khấu hao trong 20 năm.

Tài sản cố định vô hình là giá trị thương hiệu “Thanh Hà” và “Haforexim” được xác định trong quá trình đánh giá lại giá trị doanh nghiệp để chuyển từ doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần đã được các cơ quan chức năng phê duyệt. Giá trị thương hiệu được khấu hao trong thời gian 10 năm.

3.9 GHI NHẬN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Trên Báo cáo tài chính này, các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày theo phương pháp giá gốc. Việc ghi nhận giá trị của khoản đầu tư vào công ty con mới thành lập được thực hiện theo tiến độ góp vốn thực tế tương ứng với việc xác nhận vốn góp từ công ty con nhận khoản đầu tư.

3.10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí chờ phân bổ, giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định, được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời gian sử dụng trên một năm.

- Đối với các khoản chi phí trả trước dài hạn, thời hạn phân bổ chi phí phù hợp với thời gian tham gia thực tế vào quá trình kinh doanh và tạo ra doanh thu.
- Đối với giá trị công cụ, dụng cụ phân bổ dần, thời gian phân bổ chi phí là 2 năm.

3.11 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng, chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Riêng với mặt hàng cà phê nhân xuất khẩu ra thị trường thế giới, theo tập quán thương mại quốc tế và theo phương thức thỏa thuận trong hợp đồng ký với khách hàng, giá mua bán là giá giao dịch của mặt hàng này khớp lệnh trên sàn giao dịch cà phê Luân-đôn tại một thời điểm xác định. Doanh thu được ghi nhận như sau:

- Khi xuất hàng bán, Công ty tạm ghi nhận doanh thu và giá vốn để xác định kết quả kinh doanh là bằng nhau và bằng 50% - 70% giá vốn của lô hàng.
- Khi giao dịch khớp lệnh, Công ty ghi nhận tiếp doanh thu còn lại trên cơ sở Doanh thu thực tế theo giá khớp lệnh trừ đi (-) số đã tạm ghi nhận trước đây, đồng thời ghi nhận nốt phần còn lại giá vốn của lô hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.12 NGUYÊN TẮC CHUYỂN ĐỔI NGOẠI TỆ**

Công ty áp dụng Thông tư 201/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 (“Thông tư 201”) hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá. Theo quy định tại Thông tư này, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ kế toán không được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

Thông tư 201 có sự khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Cụ thể theo quy định tại Chuẩn mực này tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Nếu áp dụng Chuẩn mực này, chi phí tài chính sẽ tăng lên là 527.821.331 VND.

3.13 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp: Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty hiện hành là 25%. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ khi chuyển thành công ty cổ phần và được giảm 50% trong 3 năm tiếp theo, thời điểm bắt đầu áp dụng miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp là năm 2005.

Các loại thuế khác được thực hiện theo các qui định hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN SX - XNK THANH HÀ

122-123 M2 Láng Trung, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	2.709.909	1.464.739
Tiền gửi ngân hàng	112.882.191	16.134.569.911
Tiền đang chuyển	-	807.000.000
	<u>115.592.100</u>	<u>16.943.034.650</u>

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	432.200.000	422.500.000
Cho vay ngắn hạn	-	3.000.000.000
<i>Công ty Cổ phần XNK Thanh Hà</i>	-	3.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(255.424.150)	(184.040.000)
	<u>176.775.850</u>	<u>3.238.460.000</u>

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Phải thu khách hàng nước ngoài	1.481.386.060	10.713.926.830
Phải thu khách hàng nội địa	13.679.320.318	105.819.152.777
	<u>15.160.706.378</u>	<u>116.533.079.607</u>

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế GTGT được hoàn	-	462.212.791
Phải thu khác	12.857.625	22.848.020
	<u>12.857.625</u>	<u>485.060.811</u>

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Hàng hoá tồn kho	1.318.887.250	46.541.237.464
Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho	<u>1.318.887.250</u>	<u>46.541.237.464</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SX - XNK THANH HÀ

122-123 M2 Láng Trung, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tạm ứng	-	1.150.936.070
- Tạm ứng thu mua hàng hóa	-	1.118.254.260
- Tạm ứng khác	-	32.681.810
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn (*)	2.776.273.200	14.456.988.055
Ký quỹ bảo lãnh EUR tại VCB HN	2.776.273.200	-
	2.776.273.200	15.607.924.125

Ghi chú:(*) Là số dư của các khoản tiền ký quỹ tại ngân hàng để thực hiện các hợp đồng kinh doanh thu mua, xuất khẩu hàng hóa và các hợp đồng thương mại khác.

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
01/01/2010	10.524.977.842	815.763.367	2.608.297.130	659.564.726	2.684.645.173	17.293.248.238
- Mua trong năm	4.971.037.300	-	-	-	-	4.971.037.300
- Đầu tư XDCB hoàn thành	10.194.981.190	-	-	-	-	10.194.981.190
- Thanh lý, nhượng bán	(1.421.083.693)	-	-	-	(799.450.000)	(2.220.533.693)
31/12/2010	24.269.912.639	815.763.367	2.608.297.130	659.564.726	1.885.195.173	30.238.733.035
HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2010	(3.556.126.027)	(741.432.613)	(809.534.208)	(227.008.927)	(1.087.536.286)	(6.421.638.061)
- Khấu hao trong năm	(1.269.055.159)	(103.540.958)	(255.115.427)	(27.600.270)	(207.330.717)	(1.862.642.532)
- Thanh lý, nhượng bán	1.111.657.741	-	-	-	547.115.000	1.658.772.741
31/12/2010	(3.713.523.445)	(844.973.571)	(1.064.649.635)	(254.609.197)	(747.752.003)	(6.625.507.852)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2010	6.968.851.815	74.330.754	1.798.762.922	432.555.799	1.597.108.887	10.871.610.177
31/12/2010	20.556.389.194	(29.210.204)	1.543.647.495	404.955.529	1.137.443.170	23.613.225.183

(*) Trong số nhà cửa vật kiến trúc, tổng nguyên giá TSCĐ hữu hình đang thế chấp tại ngân hàng là: 12.071.851.300 đồng để đảm bảo cho các khoản tiền vay Ngân hàng TMCP Công thương và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SX - XNK THANH HÀ

122-123 M2 Láng Trung, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2010	2.912.277.192	297.058.533	3.209.335.725
- Mua trong năm (*)	7.266.117.000	-	7.266.117.000
31/12/2010	<u>10.178.394.192</u>	<u>297.058.533</u>	<u>10.475.452.725</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
01/01/2010	(685.741.873)	(141.102.802)	(826.844.675)
- Khấu hao trong năm	(447.799.100)	-	(447.799.100)
31/12/2010	<u>(1.133.540.973)</u>	<u>(141.102.802)</u>	<u>(1.274.643.775)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2010	<u>2.226.535.319</u>	<u>155.955.731</u>	<u>2.382.491.050</u>
31/12/2010	<u>9.044.853.219</u>	<u>155.955.731</u>	<u>9.200.808.950</u>

(*) Tài sản cố định vô hình tăng trong năm là giá trị quyền sử dụng đất Kho Gia Kiệm. Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất này với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là khoảng 6,99 tỷ đồng để đảm bảo cho khoản tiền vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương.

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Số dư khoản đầu tư vào công ty con tại ngày 31/12/2010 là 2.907.000.000VND là giá trị vốn góp đầu tư bằng nhà xưởng và máy móc thiết bị sản xuất vào Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thanh Hà, nắm giữ 290.700 cổ phần, chiếm 51% vốn điều lệ của công ty con.

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
<i>Vay ngắn hạn</i>	<u>111.163.953.856</u>	<u>281.652.637.533</u>
Vay Ngân hàng và các tổ chức tín dụng	107.492.504.574	266.511.012.172
Vay các cá nhân (*)	3.671.449.282	15.141.625.361
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	-	<u>860.000.000</u>
	<u>111.163.953.856</u>	<u>282.512.637.533</u>

(*): Đây là số dư các khoản vay cá nhân đến 31/12/2010 chưa thu thập được Biên bản đối chiếu số dư khoản vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Khách hàng nước ngoài ứng tiền trước	-	38.886.789.790
Khách hàng trong nước ứng tiền trước	10.349.728.333	14.584.986.709
	10.349.728.333	53.471.776.499

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chi phí giám định cả phê xuất khẩu	52.221.000	83.826.543
Chi phí lãi vay	11.692.619.123	72.146.145
Công ty Cổ phần XNK Thanh Hà	-	153.800.601
Chi phí phải trả khác	391.913.038	173.437.119
	12.136.753.161	483.210.408

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Bảo hiểm y tế	-	7.325.832
Kinh phí công đoàn	20.026.000	139.394.314
Các khoản phải trả, phải nộp khác	385.595.645	325.132.246
	405.621.645	471.852.392

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Lỗ lũy kế)	Cộng
01/01/2009	12.700.000.000	3.500.000.000	-	3.982.553.012	329.072.028	199.432.492	3.052.824.465	23.763.881.997
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	4.554.854.610	4.554.854.610
- Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	1.940.150.074	213.965.828	213.965.828	(2.796.013.387)	(427.931.657)
- Chi từ các quỹ	-	-	-	-	-	(199.000.000)	-	(199.000.000)
- Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	-	(251.242.000)	(251.242.000)
- Tăng/(Giảm) khác	-	-	(315.086.331)	-	-	-	-	(315.086.331)
31/12/2009	12.700.000.000	3.500.000.000	(315.086.331)	5.922.703.086	543.037.856	214.398.320	4.560.423.688	27.125.476.619
01/01/2010	12.700.000.000	3.500.000.000	(315.086.331)	5.922.703.086	543.037.856	214.398.320	4.560.423.688	27.125.476.619
- Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	1.283.397.461	910.970.922	227.742.731	(2.422.111.114)	-
- Chia cổ tức các năm trước	-	-	-	-	-	-	(1.835.681.000)	(1.835.681.000)
- Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	(41.342.207.816)	(41.342.207.816)
- Chi từ các quỹ	-	-	-	-	-	(442.141.051)	-	(442.141.051)
- Giảm khác	-	-	(212.735.000)	-	-	-	(227.742.730)	(440.477.730)
31/12/2010	12.700.000.000	3.500.000.000	(527.821.331)	7.206.100.547	1.454.008.778	-	(41.267.318.973)	(16.935.030.979)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

17.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	31/12/2010		01/01/2010	
	Số cổ phần	Tỷ lệ	Số cổ phần	Tỷ lệ
Cổ đông lớn	574.260	45,21%	532.260	41,91%
Công ty Sản xuất Xuất nhập khẩu tổng hợp Hà Nội (HAPROSIMEX) - do Ông Vũ Văn Hải làm đại diện	342.000	26,93%	342.000	26,93%
Ông Nguyễn Văn Hợp - Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc	133.600	10,52%	65.600	5,17%
Bà Bùi Thị Thu Hà - Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc	41.260	3,25%	41.260	3,25%
Bà Nguyễn Thị Bình - Ủy viên HĐQT	37.400	2,94%	43.400	3,42%
Ông Trương Xuân Bình - Ủy viên HĐQT	20.000	1,57%	40.000	3,15%
Các cổ đông khác	695.740	54,79%	737.740	58,09%
Các cổ đông là nhân viên trong Công ty	430.700	33,92%	437.482	34,45%
Các cổ đông bên ngoài Công ty	265.040	20,87%	300.258	23,64%
Tổng cộng	1.270.000	100,00%	1.270.000	100,00%

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	342.044.206.052	880.671.168.160
	342.044.206.052	880.671.168.160

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	322.026.763.829	852.638.142.596
	322.026.763.829	852.638.142.596

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	4.371.840.000
Lãi tiền gửi ngân hàng và ứng trước tiền hàng	10.323.100.376	12.402.879.667
Cho thuê tài sản	1.175.700.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	470.360.000	69.171.039
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	554.718.680	1.936.214.078
Lãi bán chứng khoán	-	155.293.193
Doanh thu hoạt động tài chính khác	259.084.644	-
	12.782.963.700	18.935.397.977

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi tiền vay/Chi phí lãi vay	21.933.002.116	27.194.186.823
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.064.084.852	2.464.390.172
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	71.384.150	184.040.000
Chi phí tài chính khác	114.006.112	137.400.000
	25.182.477.230	29.980.016.995

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí vận chuyển	1.873.903.686	2.714.844.379
Chi phí bán hàng thành phố Hồ Chí Minh	579.901.472	1.936.056.869
Chi phí nghiệp vụ kho Hưng Yên	397.704.193	1.680.622.571
Phí ngân hàng	191.149.307	591.109.404
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi		314.476.218
Chi phí bằng tiền khác	679.852.447	1.128.692.816
	3.722.511.105	8.365.802.257

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.024.573.767	2.704.000.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	12.343.006
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.310.441.632	1.884.073.365
Chi phí sửa chữa dài hạn	-	151.013.306
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	49.185.169.737	-
Chi phí bằng tiền khác	653.311.655	1.338.132.017
	53.173.496.791	6.089.561.694

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Thu về thanh lý, nhượng bán TSCĐ	5.400.000.000	3.633.000.000
Thu nhập từ cho thuê tài sản	-	1.175.700.000
Công nợ xác định không phải trả nhà cung cấp, khách hàng	3.176.952.097	-
Các khoản thu nhập khác	177.715.881	1.077.539.640
	8.754.667.978	5.886.239.640

25. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
TSCĐ, CCDC thanh lý	798.880.952	3.462.646.667
Chi phí khác	19.915.639	6.750.000
	818.796.591	3.469.396.667

26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

26.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Toàn bộ giao dịch và số dư công nợ của bên liên quan đều là với Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thanh Hà.

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu với các bên liên quan	47.465.803.530	13.823.756.462
- Bán hàng hóa (đã bao gồm thuế GTGT)	45.707.413.530	12.110.176.945
- Cung cấp dịch vụ: Cho thuê tài sản (bao gồm thuế GTGT)	1.293.270.000	1.175.700.000
- Tiền cổ tức nhận được	465.120.000	537.879.517
- Chi phí dịch vụ phải thu (tiền điện)	149.016.065	
- Chi phí lãi vay phải thu	576.388.596	
Mua hàng từ các bên liên quan	95.003.392.671	77.222.943.358
- Mua hàng hóa (đã bao gồm thuế GTGT)	95.003.392.671	77.222.943.358
Giao dịch về vốn với bên liên quan		
Vốn cho vay	3.000.000.000	(3.000.000.000)

